

Số: 14/CTTT – BQB
“V/v CBTT Quy chế nội bộ
và Điều lệ Công ty”

Đồng Hới, ngày 17 tháng 10 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình

Mã chứng khoán: BQB

Địa chỉ trụ sở chính: TDP13, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 0232.3822365 Fax: 0232.3840721

Người thực hiện công bố thông tin: Trương Xuân Quý

Địa chỉ: TDP13, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 0232.3822365 Fax: 0232.3840721

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

1, Quy chế công bố thông tin của Công ty cp Bia Hà Nội - Quảng Bình đã được thông qua theo Nghị quyết số 21/NQ – HĐQT ngày 17/10/2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/10/2018 tại địa chỉ <http://biaquangbinh.com>

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tài liệu kèm theo:

- Quy chế Công bố thông tin

- Nghị quyết HĐQT số 21/NQ -HĐQT

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, QLCD

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA HÀ NỘI
QUẢNG BÌNH
TRƯƠNG XUAN QUY
Trương Xuân Quý

Số: 21 /NQ-HĐQT

Đồng Hới, ngày 17 tháng 10 năm 2018

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI-QUẢNG BÌNH

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 10/8/2004, sửa đổi và bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 11/5/2018;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị ngày 11/10/2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Bản Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình có 4 chương, 18 điều.

Bản Quy chế công bố thông tin kèm theo.

Điều 2. Các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu: VTh, TK.HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
TDP 13, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
Tel: 0232.3822365 - Fax: 0232.3840721
Email: congtybiahnqb@gmail.com- Website: <https://biaquangbinh.com>



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tháng 9 năm 2018



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG
CỦA CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐQT ngày 17/10/2018
của Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Hà Nội – Quảng Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình theo các quy định tại Thông tư 155/2015/TT – BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính và sự phối hợp công tác giữa các phòng, bộ phận của Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình, gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các Phòng, các Phân xưởng thuộc Công ty và cá nhân là cán bộ, nhân viên của Công ty có liên quan đến việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty.

- Người có liên quan đến đối tượng công bố thông tin.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình.

2. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a, Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

b, Tổ chức mà trong đó cá nhân là nhân viên, Giám đốc, chủ sở hữu trên 10% số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

c, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty;

d, Người mà trong quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

đ, Quan hệ hợp đồng trong đó có một người là đại diện cho người kia;

3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

a, Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b, Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;

c, Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;

d, Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;

4. Người nội bộ của Công ty là:

a, Thành viên Hội đồng quản trị;

b, Thành viên Ban kiểm soát;

c, Giám đốc, Phó Giám đốc;

d, Kế toán trưởng;

d, Người đại diện theo pháp luật, người được uỷ quyền công bố thông tin;

5. Ngày công bố thông tin: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1, điều 6 quy chế này.

6. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin: là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

7. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại cổ phiếu quỹ.

8. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a, Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán hoặc

b, Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

9. "Điều lệ" là điều lệ của Công ty.

10. Công bố thông tin định kỳ là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật.

11. Công bố thông tin bất thường là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự việc bất thường.

12. Công bố thông tin theo yêu cầu là việc Công ty công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo yêu cầu của nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết giao dịch tập trung.

13. Báo cáo thường niên là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng quản trị của Công ty được lập hàng năm và công bố theo định kỳ.

Điều 3: Nguyên tắc công bố thông tin:

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật và bảo đảm:

a, Công ty phải chịu trách nhiệm nội dung công bố thông tin. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố nội dung đã thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b, Trường hợp có thông tin, sự kiện làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán;

c, Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý;

2. Khi công bố thông tin, Công ty thực hiện đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK nơi chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này, Công ty sẽ thực hiện gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Thực hiện trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố như sau:

a, Các thông tin công bố định kỳ được lưu giữ dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này đồng thời được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b, Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu là 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty là Tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng Tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định của pháp luật thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.

Điều 4: Người thực hiện công bố thông tin:

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

a, Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

b, Công ty thực hiện việc đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo thông tư số 155/2015/TT – BTC cùng Bản cung cấp thông tin người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo thông tư số 155/2015/TT – BTC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho một tổ chức (Công ty, Trung tâm lưu ký

chứng khoán hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a, Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT – BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b, Trường hợp uỷ quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được uỷ quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

c, Nhà đầu tư là cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được uỷ quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo thông tư số 155/2015/TT – BTC cùng bản cung cấp thông tin cho nhà đầu tư cá nhân và của người được uỷ quyền công bố thông tin theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT – BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc uỷ quyền có hiệu lực.

Điều 5: Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin gồm:

a, Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

b, Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;

c, Trang thông tin điện tử của SGDCK nơi chứng khoán của Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch;

d, Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...);

2. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên website của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật sau ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

3. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

4. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

a, Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi trang thông tin điện tử này;

b, Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;

c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo cho nhà đầu tư tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó;

Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (như thiên tai, hoả hoạn,...) Trong trường hợp tạm hoãn, đối tượng công bố thông tin thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 7: Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:

a, Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kê toán doanh nghiệp;

b, Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty;

c, Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

2. Báo cáo tài chính bán niên:

Công ty thực hiện công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a, Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ" trình bày số liệu trong 6 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm

toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán là không đạt yêu cầu;

b, Thời hạn công bố: Công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính;

3. Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét

a, Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 điều này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b, Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý và trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

4. Khi công bố thông tin các loại báo cáo tài chính nêu tại khoản 1,2,3 Điều này, Công ty đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b, Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c, Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kể từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý II đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý IV đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d, Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên;

5. Báo cáo thường niên:

Công ty lập báo cáo thường niên theo phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT – BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

6. Báo cáo tình hình quản trị Công ty:

Định kỳ 6 tháng và năm, Công ty công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT – BTC. Thời hạn công bố thông tin báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a, Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố trên website của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch

chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp;
- Chương trình họp, phiếu biểu quyết;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

b, Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

c, Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

8. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được xác nhận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận đầy đủ hồ sơ báo cáo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty, Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thông báo với Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

9. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn:

a, Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Công ty công bố Bản thông báo phát hành trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết có phạm vi phát hành toàn quốc trong ba số liên tiếp theo mẫu tại phụ lục số 11 và 12 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2015/TT – BTC. Bản thông báo phát hành và bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và Sở Giao dịch chứng khoán;

b, Công ty báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tài liệu báo cáo và công bố thông tin về kết quả chào bán bao gồm:

(i) Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán theo mẫu tại phụ lục số 13 và 14 ban hành theo Thông tư số 162/2015/TT – BTC.

(ii) Xác nhận của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán.

c, Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi giải ngân hết số

tiền huy động được, Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi trên website của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Công ty công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

Điều 8: Công bố thông tin bất thường

1. Công ty thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a, Tài khoản của Công ty tại Ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp bị phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;

b, Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thay đổi thông tin trong bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c, Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc huỷ niêm yết, Công ty phải công bố thông tin việc huỷ niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ động lớn;

d, Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

e, Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f, Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch phát triển kinh doanh hàng năm của Công ty;

g, Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật);

h, Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hội tổ báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;



i, Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tặng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, công ty liên danh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên danh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên danh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên danh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

j, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

k, Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

l, Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin được thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

m, Khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung;

n, Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT – BTC;

o, Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

p, Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;

q, Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

r, Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

s, Vốn góp của chủ sở hữu giảm 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

t, Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);

u, Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

2. Khi công bố thông tin nêu tại khoản 1 điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a, Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại *khoản 7, điều 7* quy chế này;

b, Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, SGDCK, báo cáo UBCKNN, đồng thời công bố thông tin *chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng* dự kiến.

5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a, Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b, Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c, Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, tách hoặc bị sáp nhập công bố báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

Điều 9: Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong những trường hợp sau đây, Công ty thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

a, Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;



b, Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó;

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10: Công bố thông tin việc phát hành thêm cổ phiếu

1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu, Công ty phải công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc phát hành theo thời hạn như sau:

a, Đối với trường hợp phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất là 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2015/TT – BTC.

b, Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 07 bẩy làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thường theo mẫu tại Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2015/TT – BTC.

2. Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin ra công chúng theo thời hạn như sau:

a, Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT – BTC.

b, Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thường cho người lao động theo mẫu tại phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT – BTC. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phần của từng người lao động được tham gia.

3. Công ty tiến hành đăng ký niêm yết, giao dịch bổ sung với Sở Giao dịch chứng khoán đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo kết quả phát hành cho Công ty.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 11. Công bố thông tin về sở hữu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán theo phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT – BTC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm ...) phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT –BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 điều này được tính từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan đến người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi ...) theo phụ lục số 10 hoặc phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT – BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK.

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết

03010
ÔNG
CỔ PH
HÀ HÀ
QUẢN
G HỒI

khối lượng đăng ký (nếu có) theo phụ lục số 12 hoặc phụ lục số 13 Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT – BTC.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 13: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 14: Quy trình công bố thông tin

Việc công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo quy trình sau:

1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin:

Bước	Trách nhiệm	Trình tự thực hiện
1	Các đơn vị của Công ty	Gửi thông tin ↓
2	Người được uỷ quyền công bố thông tin	Xử lý thông tin ↓
3	Người được uỷ quyền công bố thông tin	Báo cáo người đại diện theo pháp luật ↓
4	Người được uỷ quyền công bố thông tin	Báo cáo và công bố ↓
5	Bộ phận Văn thư lưu trữ	Bảo quản và lưu trữ văn bản công bố thông tin ↓

2. Diễn giải:

Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các đơn vị thuộc Công ty phải tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố và gửi đến Người được uỷ quyền công bố

thông tin. Thời hạn các đơn vị gửi tài liệu và thông tin cần công bố cho Người được uỷ quyền công bố thông tin như sau:

- Đối với thông tin công bố định kỳ: Chậm nhất 02 ngày làm việc trước thời hạn công bố thông tin theo quy định tại phần I của Thông báo này.

- Đối với thông tin bất thường, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, thông tin cung cấp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc Sở Giao dịch chứng khoán: Trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện, Trưởng các đơn vị thuộc Công ty (nơi phát sinh thông tin cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho Người được uỷ quyền công bố thông tin.

- Đối với các thông tin cần công bố khác: Chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các đơn vị thuộc Công ty cung cấp, Người được uỷ quyền công bố thông tin trong trường hợp xét thấy nếu cần thiết, có thể đề nghị các đơn vị thuộc Công ty điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp nội dung của Quy chế này và quy định của pháp luật liên quan trong thời hạn công bố thông tin theo quy định.

Bước 3: Báo cáo Người đại diện theo pháp luật

Người được uỷ quyền công bố thông tin báo cáo người đại diện theo pháp luật các thông tin công bố.

Bước 4: Báo cáo và công bố

Người được uỷ quyền công bố thông tin, Phòng TCHC Công ty gửi văn bản công bố thông tin kèm dữ liệu điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng thời hạn quy định, đồng thời đăng tải nội dung công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Bước 5: Bảo quản và lưu trữ

- Thông tin sau khi đã được thực hiện báo cáo và công bố sẽ do bộ phận Văn thư lưu trữ;

- Đơn vị chuẩn bị thông tin/đơn vị làm đầu mối (trường hợp nhiều đơn vị cùng tham gia chuẩn bị thông tin) lưu hồ sơ nghiệp vụ tại đơn vị theo quy định về văn thư lưu trữ của Công ty;

- Người được uỷ quyền công bố thông tin, Bộ phận văn thư lưu trữ phai dữ liệu điện tử;

Việc lưu trữ nhằm phục vụ việc tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.

Điều 15: Trách nhiệm của người được uỷ quyền công bố thông tin

1. Người được uỷ quyền công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

2. Chức năng và nhiệm vụ của người được uỷ quyền công bố thông tin:

a, Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, mãn cán, có kiến thức về kế toán, tài chính và có kỹ năng nhất định về tin học.

b, Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.



c, Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông về các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.

d, Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư và người có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Điều chỉnh thông tin công bố:

Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và yêu cầu đơn vị chuẩn bị thông tin thực hiện bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 16: Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng, phân xưởng trong việc cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin

1. Các đơn vị thuộc Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cần được công bố cho Người được ủy quyền công bố thông tin theo nội dung Quy chế này và bảng phân công thực hiện tại Phụ lục số 01 kèm theo Quy chế này.

Trường các đơn vị thuộc Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người được ủy quyền công bố thông tin.

Đối với thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định tại Điều 8, 9 Quy chế này, Trường các đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin tổng hợp các thông tin, trình Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty phê duyệt: Nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện công bố các thông tin theo quy định.

3. Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 17: Tổ chức thực hiện - Xử lý vi phạm

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán trước khi thực hiện.

2. Quy chế công bố thông tin này được phổ biến đến toàn bộ các phòng ban và cán bộ nhân viên của Công ty.

3. Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi không thực hiện các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đồng thời bồi thường theo quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 18: Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, các Phòng, các Phân xưởng và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến những nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.

4. Trong quá trình thực hiện quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

5. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định./.



PHỤ LỤC SỐ 01
BẢNG PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
(Thuộc quy chế công bố thông tin của Công ty cp Bia Hà Nội – Quảng Bình)

TT	Căn cứ PL	Quy định tại Quy chế	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Phương tiện CBTT	Phân công
I CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ						
1	Khoản 1, Điều 8, TT155	Khoản 1, Điều 7 Quy chế	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày TCKT ký BC kiểm toán nhưng không được quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	- Website của Công ty - Hệ thống CBTT của UBCKNN - Trang thông tin điện tử của SGDCK	- Chuẩn bị nội dung: Phòng TC-KT - Đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
2	Khoản 2, Điều 11 TT155	Khoản 2, Điều 7 Quy chế	Báo cáo tài chính Bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày TCKT ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	- Website của Công ty - Hệ thống CBTT của UBCKNN - Trang thông tin điện tử của SGDCK	- Chuẩn bị nội dung: Phòng TC-KT - Đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
3	Khoản 3, Điều 11 TT155	Khoản 3, Điều 7 Quy chế	Báo cáo tài chính quý/báo cáo tài chính quý (đã được soát xét nếu có)	Công bố BCTC quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công bố BCTC quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.	- Website của Công ty - Hệ thống CBTT của UBCKNN - Trang thông tin điện tử của SGDCK	- Chuẩn bị nội dung: Phòng TC-KT - Đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
4	Khoản 2, Điều 8 TT155	Khoản 5, Điều 7 Quy chế	Báo cáo thường niên (thực hiện theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo TT155)	Chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	- Website của Công ty - Hệ thống CBTT của UBCKNN - Trang thông tin điện tử của SGDCK	- Chuẩn bị nội dung: Phòng TC - KT (đầu mới) Phòng Thị trường Phòng TC - HC Phòng KHVT – XDCB Phòng KTCN-KCS - Đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
5	Khoản 6, Điều 11 TT155	Khoản 6, Điều 7 Quy chế	Báo cáo tình hình quản trị Công ty (06 tháng và năm) Thực hiện theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo TT155)	Định kỳ 06 tháng và năm: Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	- Website của Công ty - Hệ thống CBTT của UBCKNN - Trang thông tin điện tử của SGDCK	- Chuẩn bị nội dung: Phòng TC – HC Phòng TC – KT phối hợp - Đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
6	Khoản 3,	Khoản 7,	Hợp Đại hội đồng	Chậm nhất 10 ngày trước ngày	- Website của Công ty	- Chuẩn bị nội dung:



	Điều 8 TT155	Điều 7 Quy chế	đồng thường niên	khai mạc họp	- Hệ thống CBTT của UBCKNN - Trang thông tin điện tử của SGDCK	Phòng TC - HC Các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện cung cấp các tài liệu phục vụ họp - Đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
7	Khoản 5, Điều 8 TT155	Khoản 8, Điều 7 Quy chế	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được xác nhận của UBCKNN	- Website của Công ty - Trang thông tin điện tử của SGDCK - Trung tâm lưu ký Chứng khoán	- Chuẩn bị nội dung: Phòng TC - HC - Đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
8	Khoản 4, Điều 8 TT155	Khoản 9, Điều 7 Quy chế	Hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán (Nghị định số 58/2012/NĐ - CP; Thông tư số 162/TT - BTC)	- Báo cáo UBCKNN - Công bố thông tin trên website của Công ty	- Chuẩn bị nội dung: Phòng TC - KT - Đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG						
1	Khoản 1 Điều 9; Điều 12 TT155	Khoản 1 Điều 8 Quy chế	Thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Quy chế (các sự kiện từ điểm a đến điểm u)	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	- Công bố thông tin trên website của Công ty, trong đó nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và giải pháp khắc phục (nếu có). - Thông báo UBCKNN, SGDCK	* Chuẩn bị nội dung: - Phòng TCKT: các sự kiện nêu tại điểm a, d, e, g, h, k, l, q, s, t của khoản 1, điều 8 Quy chế; - Phòng TCHC: các sự kiện nêu tại điểm b, c, f, i, j, m, n, o, p, r, u của khoản 1, điều 8 Quy chế; - Đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
2	Khoản 2, Điều 9 TT155	Khoản 3 Điều 8 Quy chế	ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:	Chậm nhất 10 trước ngày khai mạc họp/thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	- Đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tờ khi kết thúc ĐHĐCĐ trên website TCT, UBCKNN, SGDCK	* Chuẩn bị nội dung: Phòng TCHC * Thực hiện đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
3	Khoản 4 Điều 9 TT155	Khoản 4 Điều 8 Quy chế	Thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	- Website của Công ty - Trang thông tin điện tử của SGDCK - Trung tâm lưu ký Chứng khoán	* Chuẩn bị nội dung: Phòng TCHC * Thực hiện đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
4	Khoản 5 Điều 9	Khoản 5 Điều 8 Quy	Thông tin về các trường hợp đăng ký	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày chức kiểm toán ký báo cáo	- Website của Công ty - Hệ thống CBTT của	* Chuẩn bị nội dung: Phòng Tài chính - Kế

TT155	ché	<ul style="list-style-type: none"> * Báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán * Báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp * Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp 	kiểm toán	UBCKNN - Trang thông tin điện tử của SGDCK	toán * Thực hiện đăng tải: Người được ủy quyền CBTT
III CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU					
1	Khoản 1 và 2 Điều 10, Điều 13 TT155	<p>Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư</p> <p>Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó</p>	<p>Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch</p> <p>Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch</p>	<p>Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).</p>	<p>Theo chỉ đạo của Giám đốc Công ty tại thời điểm phát sinh sự kiện</p>
2	Điều 9 Quy chế				
IV CÔNG BỐ THÔNG TIN VIỆC PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU					
1	Điều 37 TT162	<p>- Việc Công ty phát hành thêm cổ phiếu (thực hiện theo Phụ lục 19 hoặc 20 ban hành theo TT162)</p> <p>- Kết quả phát hành thêm cổ phiếu (thực hiện theo Phụ lục 19 hoặc 20 ban hành theo TT162)</p>	<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền/ngày kết thúc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động.</p>	<p>- Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>- Gửi báo cáo UBCKNN; công bố thông tin ra công chúng.</p>	<p>* Chuẩn bị nội dung: Phòng TCKT</p> <p>* Thực hiện đăng tải: Người được ủy quyền CBTT</p>
V CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY					
1	Điều 28 TT155	<p>Điều 10 Quy chế</p>	<p>Giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ</p>	<p>Công bố trên website của Công ty</p>	<p>* Chuẩn bị nội dung: Phòng TCHC</p> <p>* Thực hiện đăng tải: Người được ủy quyền CBTT</p>

